TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST

Ngày: 05-7-2019

"V/v Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền hợp đồng thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đình Ghi;

2. Bà Trần Thị Ngọc Quyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thuận - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp nghĩa vụ trả tiền hợp đồng thi công, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-KDTM ngày 25/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST-KDTM ngày 09/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2019/QĐST-KDTM ngày 09/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-KDTM ngày 06/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quý Đ, Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T-Giám đốc tài chính Công ty (Văn bản ủy quyền số 12/UQ-CTXL ngày 17/7/2018). Có mặt.

Địa chỉ: Lô số 9, đường Đ, phường V, thành phố Huế.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại-Xây dựng Y

Địa chỉ: Số 02 lô 1 C, phố V, phường B, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ A-Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/10/2013, Công ty TNHH Thương mại-Xây dựng Y (gọi tắt Công ty Y) và Công ty cổ phần X (gọi tắt Công ty Xây lắp) có ký Hợp đồng số 01/2013/HĐ-XD với phần việc sản xuất cọc bê tông cốt thép và ép cọc đại trà thuộc gói thầu số 02, thi công xây lắp toàn bộ công trình và thiết bị xây lắp thuộc dự án cơ sở làm việc khối an ninh thuộc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Giá trị hợp đồng xây lắp sau thuế tạm tính là: 625.970.000đ; Giá trị nghiệm thu thanh lý hợp đồng cụ thể như sau:

Tổng giá trị nghiệm thu thanh lý hợp đồng: 693.410.000đ

Công ty Y thanh toán: 470.000.000đ

Còn nợ lại: 223.410.000đ.

Ngày 07/10/2016, Công ty Y đã có bản cam kết gửi Công ty Xây lắp với nội dung xác nhận công nợ và hẹn đến tháng 5/2017 sẽ thanh toán nhưng cho đến nay phía Công ty Y không thanh toán hết số nợ nên ngày 12/4/2018, Công ty Xây lắp đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Y phải thanh toán các khoản như sau:

1. Tiền nợ gốc: 223.410.000đ

2. Lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2017 cho đến ngày khởi kiện theo mức lãi suất 8,5%/năm (0,708%/tháng):

223.410.000đ x 0,708%/tháng x 2 năm 01 tháng 04 ngày = 39.868.000đ

Tổng cộng gốc và lãi: 263.278.000đ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xuất trình các chứng cứ sau:

1. Hợp đồng nhân công xây dựng số 01/2013/HĐ-XD ngày 15/10/2013.

2. Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/8/2014.

3. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2016

4. Bản cam kết của Công ty Y về số tiền và thời gian trả nợ.

- Bị đơn-Công ty TNHH Thương mại-Xây dựng Y (ông Nguyễn Vũ A-Giám đốc Công ty) trình bày: Quá trình ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng thì hai bên không có tranh chấp gì. Hiện nay Công ty Y còn nợ Công ty Xây lắp 223.000.000đ. Phía Công ty Y không đồng ý về việc tính lãi vì theo hợp đồng hai bên đã ký kết không có khoản tính lãi, gói thầu số 02-cơ sở làm việc khối an ninh thuộc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã tạm dừng 02 năm nay chưa thi công, bên chủ đầu tư chưa thanh toán tiền cho Công ty Y nên Công ty Y chưa có kinh phí để trả cho Công ty X. Phía chủ đầu tư là Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cũng không chịu trả lãi cho Công ty Y nên việc tính lãi của Công ty X là không có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi, tống đạt, niêm yết giấy triệu tập Công ty Y đến để hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

[2] Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Thương mại-Xây dựng Y phải trả cho Công ty cổ phần X số tiền cả gốc và lãi là 263.278.000đ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ, tiến hành niêm yết các Quyết định hoãn phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về thẩm quyền: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 (các bên thỏa thuận Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết tranh chấp) Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét Hợp đồng kinh tế số 01/2013/HĐ-XD ngày 15/10/2013 được ký kết giữa Công ty TNHH Thương mại-Xây dựng Y và Công ty cổ phần X là một giao dịch hợp pháp, các thoả thuận trong hợp đồng không trái với quy định của pháp luật phù hợp với các quy định tại Điều 107, 108 Luật Xây dựng năm 2003. Trên cơ sở hợp đồng được ký kết và thực hiện, các bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng; ngày 07/10/2016, Công ty Y đã có bản cam kết thời hạn trả nợ đến tháng 5/2017 đối với số tiền 303.410.000đ, ngày 31/12/2016, các bên tiếp tục ký biên bản đối chiếu công nợ xác nhận Công ty Y còn nợ Công ty Xây lắp số tiền 303.410.000đ, quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cả hai bên đều xác nhận Công ty Y đã thanh toán số tiền 80.000.000đ. Do đó số tiền nợ gốc còn lại là 223.410.000đ chứ không phải số tiền 223.000.000đ như phía bị đơn xác nhận tại bản tự khai. Theo bản cam kết của bị đơn đề ngày 07/10/2016 thì thời hạn trả nợ là tháng 5/2017 nhưng đến hết tháng 5/2017 phía bị đơn vẫn không trả hết nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật Dân sự năm 2015 nên Công ty Xây lắp đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Y phải trả số tiền nợ gốc 223.410.000đ là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Luật Xây dựng 2003.

Về số tiền lãi: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, Công ty X có quyền yêu cầu Công ty Y trả tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tuy nhiên phía nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 8,5%/năm (0,708%/tháng) là thấp hơn mức lãi suất cho vay trong hạn của 03 Ngân hàng thương mại cổ phần tại thời điểm xét xử nên cần chấp nhận. Thời gian tính lãi kể

từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 01/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/7/2019 là 02 năm 01 tháng 04 ngày x 223.410.000đ x mức lãi suất 8,5%/năm (0,708%/tháng) = 39.868.000đ là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Công ty TNHH Thương mại-Xây dựng Y phải chịu 263.278.000đ x 5% = 13.163.900đ.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty cổ phần X không phải chịu án phí. Trả lại cho Công ty cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.996.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005858 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 107, 108, Điều 110 Luật xây dựng năm 2003; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 306 Luật thương mại 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X.

Buộc Công ty TNHH Thương mại-Xây dựng Y phải thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền 263.278.000đ (Tiền gốc: 223.410.000đ, tiền lãi: 39.868.000đ).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc người được quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

Công ty TNHH Thương mại-Xây dựng Y phải chịu 13.163.900đ.

Trả lại cho Công ty cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.996.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005858 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tú